

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN NGỌC VŨ

Phản biện 1: TS. Đoàn Gia Dũng

Phản biện 2: PGS. TS. Đỗ Văn Viện

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, KVKT TN đã có những bước tiến vượt bậc và là một nguồn lực to lớn thúc đẩy kinh tế xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Gia Lai nói riêng phát triển. Là một bộ phận không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân nói riêng phải không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp với nhau thành các chuỗi sản phẩm có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp trong nước, trong khu vực và trên thế giới.

Trong thực tế phát triển, KVKT TN tỉnh Gia Lai những năm qua đã từng bước phát triển, đóng góp nhất định vào sự phát triển chung của tỉnh nhà, tuy nhiên khu vực kinh tế này vẫn chưa phát huy hết tiềm năng cũng như nguồn lực của mình đối với sự tăng trưởng kinh tế, đồng thời khu vực kinh tế tư nhân tại tỉnh cũng còn gặp rất nhiều khó khăn như khó khăn về vốn, về đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, đào tạo công nhân lành nghề, về nâng cao năng lực quản lý nhằm nâng cao khả năng tồn tại và phát triển.

Việc nghiên cứu và phân tích thực trạng tình hình phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong giai đoạn hiện nay nhằm xác định vai trò và phạm vi ảnh hưởng của nó đối với kinh tế tỉnh nhà, qua đó đề ra các giải pháp nhằm phát huy đối đa các nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân là một đòi hỏi cấp thiết trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai. Với lý do đó, tôi chọn: “***Phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai***” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn cao học của mình.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KTTN

1.1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1.1. Khái niệm kinh tế tư nhân

Văn kiện Đại hội lần thứ X Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định khu vực kinh tế tư nhân bao gồm tất cả các doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh của người Việt Nam không thuộc sở hữu Nhà nước (hoặc Nhà nước có góp vốn nhưng không giữ vai trò chi phối), không do nước ngoài đầu tư (hoặc nước ngoài có góp vốn nhưng không giữ vai trò chi phối), không thuộc thành phần kinh tế tập thể (các HTX). Hay nói các khác kinh tế tư nhân ở Việt Nam bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân.

1.1.2. Các thành phần của kinh tế tư nhân

a. Thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ

Là thành phần kinh tế dựa trên tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và khả năng lao động của bản thân người lao động.

b. Thành phần kinh tế tư bản tư nhân

Kinh tế tư bản tư nhân là thành phần kinh tế mà sản xuất kinh doanh dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và bóc lột sức lao động làm thuê.

1.1.3. Các loại hình tổ chức kinh doanh cơ bản

a. Doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

b. Công ty trách nhiệm hữu hạn

Công ty trách nhiệm hữu hạn là doanh nghiệp có không quá 50 thành viên góp vốn thành lập công ty và chỉ chịu trách nhiệm về

các khoản nợ của công ty bằng tài sản đã cam kết đóng góp vào doanh nghiệp. Công ty TNHH có thể có 1 thành viên.

c. Công ty cổ phần

Công ty cổ phần là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, vốn của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, người sở hữu cổ phần gọi là cổ đông, chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty cho đến hết giá trị cổ phần mà họ sở hữu.

d. Công ty hợp danh

Công ty hợp danh được pháp luật ghi nhận là một hình thức của công ty đối nhân, trong đó có ít nhất 2 thành viên (đều là cá nhân và là thương nhân) cùng tiến hành hoạt động thương mại (theo nghĩa rộng) dưới một hăng chung (hay hội danh) và cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của công ty.

1.1.4. Đặc điểm, ưu thế, hạn chế của kinh tế tư nhân

a. Đặc điểm của kinh tế tư nhân

- Gắn liền với lợi ích cá nhân; Chủ doanh nghiệp hay người góp vốn là người quản lý trực tiếp hoạt động của doanh nghiệp.

- Lợi nhuận thuộc về chủ doanh nghiệp hoặc chia theo tỷ lệ vốn góp, nhân viên là người làm công ăn lương.

- Quy mô sản xuất kinh doanh còn nhỏ bé nhưng đa dạng. Kỹ thuật công nghệ sản xuất kinh doanh đa phần lạc hậu, năng suất thấp; Có tính tự phát cao, tính hiệu quả và sức cạnh tranh được đề cao, ít dễ lãng phí.

b. Ưu thế và hạn chế của kinh tế tư nhân

Ưu thế:

- Mục đích của KTTN là thu lợi nhuận tối đa, ít bị các mục tiêu kinh tế - xã hội khác chi phối nên thường hiệu quả hơn so với doanh nghiệp Nhà nước.

- Hình thức tổ chức doanh nghiệp rất đa dạng, linh hoạt đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, tạo sự năng động.

Hạn chế:

- Quy mô sản xuất kinh doanh còn nhỏ bé.
- Tính vô chính phủ trong sản xuất kinh doanh
- Kỹ thuật công nghệ sản xuất kinh doanh đa phần lạc hậu, năng suất thấp.

1.1.5. Vai trò của kinh tế tư nhân

- Khu vực kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng trong việc tích lũy vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế; Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động; Tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng kinh ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách Nhà nước; Góp phần vào việc duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống.

- Hỗ trợ, bổ sung cho khu vực kinh tế Nhà nước tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo thành mối liên kết cùng hợp tác cùng cạnh tranh, phát triển

- Kinh tế tư nhân cũng góp phần nâng cao chất lượng lao động cũng như thúc đẩy mỗi cá nhân nuôi dưỡng tiềm năng và trí tuệ kinh doanh.

1.2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế tư nhân

Phát triển kinh tế tư nhân là quá trình lớn lên, tăng tiến mọi mặt của các yếu tố, các bộ phận, các cơ sở của KVKTTN, đặc biệt là các DN trong KVKTTN. Chính sự phát triển từng doanh nghiệp là yếu tố cơ bản quyết định nhất trong việc thúc đẩy sự phát triển của cả KVKTTN; Sự tăng trưởng của KVKTTN đồng thời có sự biến đổi sâu sắc về mặt cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội theo chiều hướng tiến bộ.

1.2.2. Nội dung và tiêu chí phát triển kinh tế tư nhân

a. Phát triển số lượng doanh nghiệp

Dựa trên các tiêu chí cơ bản như: Sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp; Tốc độ tăng số lượng các doanh nghiệp.

b. Mở rộng quy mô doanh nghiệp

Tiêu chí đánh giá quy mô của doanh nghiệp có thể sử dụng chỉ tiêu tổng hợp kết hợp các yếu tố tổ chức, các yếu tố nguồn lực của doanh nghiệp và đó là chỉ tiêu: Giá trị tổng sản lượng; Giá trị sản phẩm hàng hóa ; Vốn; Lao động; Mặt bằng kinh doanh; Về công nghệ máy móc thiết bị; Về năng lực trình độ quản lý doanh nghiệp.

c. Mở rộng liên kết doanh nghiệp

Liên kết doanh nghiệp là làm cho sự kết hợp giữa các doanh nghiệp được diễn ra chặt chẽ, thường xuyên, rộng lớn hơn. Một số tiêu chí phản ánh: Tỷ lệ liên kết giữa các doanh nghiệp có cùng chức năng; Tỷ lệ liên kết giữa các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất.

d. Phát triển thị trường

Tiêu chí đánh giá là: Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thị trường nguyên liệu trong tỉnh, ngoài tỉnh, nhập khẩu, tự sản xuất ra; Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, nhập khẩu, tự sản xuất ra.

e. Nâng cao kết quả và hiệu quả sản xuất

Biểu hiện qua các tiêu chí cơ bản sau: Khối lượng sản phẩm chủ yếu; Giá trị sản lượng; Sản phẩm hàng hóa; Giá trị sản phẩm hàng hóa; Lợi nhuận doanh nghiệp; Thu nhập người lao động; Thu ngân sách Nhà nước gồm toàn bộ các nguồn thu vào ngân sách Nhà Nước từ các đơn vị sản xuất kinh doanh.

g. Gia tăng đóng góp đối với phát triển kinh tế, xã hội

Gia tăng đóng góp của KVKTTN đối với sự phát triển kinh

tế, xã hội thể hiện trên 2 yếu tố cơ bản: Tăng giá trị tổng sản phẩm trong nước; Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước tăng lên.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Những thuận lợi về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đem lại lợi thế so sánh không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tận dụng tốt vị trí, điều kiện tự nhiên sẽ giúp doanh nghiệp giảm được chi phí đầu vào, đầu ra, nâng cao năng lực cạnh tranh.

1.3.2. Điều kiện kinh tế, xã hội

Điều kiện về kinh tế- xã hội thuận lợi sẽ làm cho chi phí sản xuất cho đơn vị kinh doanh giảm đi rất nhiều. Có nhiều nhân tố trong điều kiện kinh tế tác động đến lợi nhuận cuối cùng của doanh nghiệp như: thị trường; cơ sở hạ tầng, kỹ thuật; thông tin...

1.3.3. Các chính sách của Nhà nước

Các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường luôn cần có sự quản lý của Nhà nước, bởi vai trò điều tiết nền kinh tế nói chung và KVKTTN nói riêng của Nhà nước là tất yếu khách quan.

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC

1.4.1. Thành phố Hồ Chí Minh

- Thủ tục đăng ký đơn giản, nhiều hình thức đăng ký.
- Thành lập các hiệp hội hỗ trợ cho KTTN phát triển.
- Hướng dẫn DN đăng ký bảo hộ cho sản phẩm của mình.

1.4.2. Thành phố Đà Nẵng

- Đưa ra các đề án hỗ trợ cho KTTN phát triển.
- Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ, quản lý cho chủ DN.

- Lãnh đạo thành phố tổ chức gặp gỡ, giải quyết khó khăn cho DN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương I hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa., phân tích đặc điểm, vai trò vị trí, nội dung và những nhân tố tác động đến sự phát triển của KTTN trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Đối với tỉnh Gia Lai thì việc phát triển KTTN sẽ thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển, góp phần xoá đói giảm nghèo cho đồng bào trong tỉnh.

Bên cạnh đó việc tổng kết kinh nghiệm của các địa phương trong nước là rất cần thiết. Điều này sẽ giúp cho Gia Lai có những bài học quý báu trong việc phát triển KTTN và vận dụng nó cho phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.1. GIỚI THIỆU ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH GIA LAI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Gia Lai

Gia Lai là một tỉnh miền núi nằm ở phía bắc Tây Nguyên trên độ cao trung bình 700 - 800 m so với mực nước biển. Với diện tích 15.536,92 km.

2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai

a. Tình hình kinh tế

Tăng trưởng GDP: Tốc độ tăng trưởng bình quân của tỉnh

giai đoạn từ 2005- 2010 là: 13,6%, vượt 1,1% so với mục tiêu đại hội XIII đề ra. Kinh tế của tỉnh Gia Lai đã tăng trưởng liên tục trong 10 năm qua. Tuy nhiên so với GDP của Việt Nam thì quy mô của tỉnh chỉ chiếm khoảng hơn 1%, rõ ràng là rất nhỏ.

b. Tình hình xã hội

- Dân số và cơ cấu dân số: đến cuối năm 2010, dân số tỉnh Gia Lai là: 1.312.942 người. Có 35 dân tộc anh em sinh sống

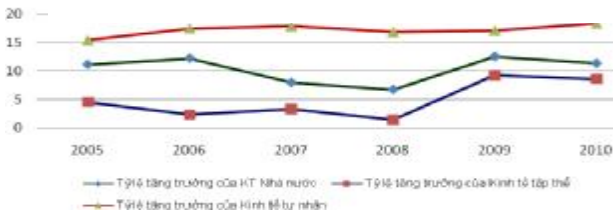
- Lao động và phân bố lao động: lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh chiếm đa số lao động, chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp là lao động chân tay và có trình độ thấp.

- Thu nhập qua các năm, mức thu nhập bình quân theo đầu người tăng dần tuy theo giá 1994 mức thu nhập bình quân này cũng vẫn thấp hơn mức trung bình của cả nước.

2.2.THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN Ở TỈNH GIA LAI TRONG THỜI GIAN QUA (2005-2010)

2.2.1. Tình hình chung về khu vực kinh tế tư nhân

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, tỉnh Gia Lai đã triển khai nhiều chính sách, giải pháp nhằm thu hút đầu tư của các tầng lớp dân cư và doanh nghiệp vào khai thác những tiềm năng sẵn có của tỉnh để phát triển SXKD phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH. Từ đó, KVKTTN ở tỉnh phát triển mạnh mẽ, đa dạng cả về quy mô, số lượng, năng lực và hiệu quả hoạt động.



Hình 2.2: Tốc độ tăng trưởng của KVKTTN tỉnh Gia Lai

KVKTTN có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất so với các thành phần kinh tế còn lại và luôn trên 15% trong thời gian từ 2005 tới 2010. Tốc độ tăng trưởng nhanh của khu vực kinh tế tư nhân đã góp phần làm kinh tế toàn tỉnh tăng lên.

Hầu hết các doanh nghiệp tại Gia Lai là doanh nghiệp nhỏ. Vốn trung bình của một doanh nghiệp khoảng 5 tỷ đồng.

Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa của tỉnh chủ yếu là Lào qua cửa khẩu Bờ Y thuộc tỉnh Kon tum; Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tỉnh Gia Lai. Thị trường hàng hóa của tỉnh chủ yếu là các địa phương trong nước.

KVKTTN có tỷ trọng lãi cao trong tổng số lãi kinh doanh của toàn tỉnh. Lãi tăng đều qua các năm chiếm tỷ trọng từ 28% năm 2005 thì đến năm 2010 là 85% trong tổng thể điều đó cho thấy hiệu quả trong kinh doanh của KVKTTN đạt được rất khả quan, đóng góp nhất định vào ngân sách của tỉnh. Mức độ đóng góp KVKTTN vào ngân sách Nhà nước tăng đều qua các năm.

2.2.2. Sự phát triển của kinh tế cá thể, tiểu chủ

a. Số lượng

Số lượng hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kê khai thuế tại Chi Cục thuế Gia Lai tăng nhanh qua các năm. Tỷ lệ tăng bình quân số hộ cá thể kinh doanh trên toàn tỉnh Gia Lai từ năm 2006-2010 là

6.4%. Trong đó trên địa bàn Pleiku chiếm đa số hộ cá thể kinh doanh trong toàn tỉnh.

b. Quy mô

- Vốn : tổng số vốn đăng ký thuế của hộ kinh doanh cá thể có cao hơn so với của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Hầu như ít tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng nên thật sự ổn định và ít gặp rủi ro khi nền kinh tế có biến động.

- Lao động: Với tỷ lệ tăng trung bình từ năm 2006-2010 là 7.5% thì đến cuối năm 2010, số lao động làm việc trong các cơ sở kinh doanh cá thể, hộ sản xuất là 57.411 lao động. Chiếm 56.4% tổng số lao động làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân.

c. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tỉnh Gia Lai, đến năm 2010 số lượng hộ cá thể kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, dịch vụ lưu trú và ăn uống là những lĩnh vực kinh doanh chính của hộ cá thể thuộc khu vực KTTN, chiếm khoảng 68% số hộ cá thể. Kế tiếp là các cơ sở thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và vận tải kho bãi, chiếm 18%.

d. Đóng góp vào ngân sách Nhà nước

Tuy vốn kinh doanh cũng như quy mô hoạt động kinh doanh của hộ cá thể nhỏ, nhưng với số lượng lớn và rải đều trong cả tỉnh, tình hình kinh doanh cá thể tương đối ổn định đã khẳng định mức độ đóng góp rất quan trọng của hộ kinh doanh cá thể trong phát triển kinh tế tỉnh nhà.

2.2.3. Sự phát triển của doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN

a. Số lượng và phân bố doanh nghiệp

Bảng 11: Số lượng doanh nghiệp trong KVKT TN

Chi tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số doanh nghiệp	1.070	1.432	1.754	2.242	2.813
<i>Trong đó</i>					
- Công ty TNHH	304	474	625	919	1.229
<i>Tỷ trọng (%)</i>	28	33	36	41	44
- Công ty cổ phần	193	262	319	404	589
<i>Tỷ trọng (%)</i>	18	18	18	18	21
- DNTN	573	696	810	919	995
<i>Tỷ trọng (%)</i>	54	49	46	41	35
<i>Tỷ lệ tăng hàng năm</i>		33,8%	22,5%	27,8%	10,8%

Nguồn: Cục Thống kê Gia Lai - Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai 2010

Số lượng doanh nghiệp tập trung tại địa bàn Thành phố Pleiku, chiếm 68,69% số lượng doanh nghiệp trong cả tỉnh. Sự phân bố doanh nghiệp trên tất cả huyện thị là không đồng đều.

b. Lao động

Số lượng doanh nghiệp có số lao động dưới 10 người chiếm tỷ trọng 55.1% trong tổng số doanh nghiệp được điều tra. Số doanh nghiệp lớn có lao động từ 201 người trở lên chiếm tỷ lệ rất thấp, có 65/2813 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 2.3%. Lao động này chủ yếu là lực lượng lao động tại địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn nên chưa qua đào tạo.

c. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Trong những năm qua, KVKT TN trên địa bàn toàn tỉnh đã và đang phát triển đa dạng các ngành nghề sản xuất kinh doanh. Chủ yếu hộ kinh doanh là thương mại, dịch vụ. Riêng đối với loại hình DN trong khu vực KTTN đã có dấu hiệu chuyển dịch tích

cực, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng các ngành thủy sản, nông lâm. Một số ngành nghề cụ thể đang hạn chế cho đăng ký kinh doanh như: Khai thác, mua bán, chế biến gỗ; Khai thác cát, đá, sỏi; dịch vụ cầm đồ; Mua bán mù cao su.

d. Tình hình vốn cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KVKTN

Vốn của khu vực kinh tế tư nhân đăng ký kinh doanh chiếm tỷ lệ thấp so với tổng số vốn của toàn tỉnh. Tuy nhiên số vốn đăng ký tăng đều qua các năm. Tình hình vốn của doanh nghiệp tăng đều qua các năm đã thể hiện sự phát triển của các doanh nghiệp. Đặc biệt là loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần đã tăng lên đáng kể và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn của khu vực kinh tế tư nhân.

Bảng 16: Cơ cấu DN theo mức vốn đăng ký kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Số lượng doanh nghiệp (DN)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn dưới 1 tỷ	93	3.3
2	Vốn từ 1- 5 tỷ	1.463	52
3	Vốn trên 5 - 10 tỷ	582	20.7
4	Trên 10 tỷ	675	24
	Tổng	2.813	100

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Gia Lai – Kết quả điều tra doanh nghiệp 2010

Nhu cầu vốn đối với khu vực kinh tế tư nhân tại tỉnh Gia Lai để mở rộng sản xuất kinh doanh là rất cần thiết. Nhất là để đầu tư tài sản cố định và máy móc thiết bị.

e .Kết quả hoạt động

Theo đánh giá tổng kết năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và số liệu báo cáo của Cục thuế tỉnh, đến cuối năm 2010 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân chiếm 98,24% tổng doanh thu, chiếm 86,76% về tổng lợi nhuận trước thuế; tỷ suất lợi nhuận trên vốn sản xuất kinh doanh 5,21%, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 3,2%.

Nhìn chung tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu vực này có hiệu quả tức đều có lãi, trong đó doanh nghiệp cổ phần có lãi đều và cao nhất.

Khu vực kinh tế tư nhân đã có nhiều đóng góp vào ngân sách Nhà nước (qua nghĩa vụ nộp thuế) ngày một tăng.

2.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI TỈNH GIA LAI

2.3.1. Điều kiện tự nhiên

Gia Lai là một tỉnh miền núi thuộc khu vực tây nguyên, có địa bàn rộng, địa hình khá phức tạp, thời tiết, khí hậu không ổn định. Hệ thống đường giao thông còn nhiều khó khăn. Vị trí địa lý xa các cảng biển, xa các trung tâm đô thị lớn của cả nước nên việc tiếp cận thị trường còn nhiều hạn chế. Vì nguồn nguyên vật liệu sản xuất chủ yếu là nhập từ các địa phương khác trong cả nước nên chi phí đầu vào sản phẩm thường cao, ảnh hưởng không nhỏ đến việc cạnh tranh trên thị trường của sản phẩm.

2.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Điều kiện kinh tế- xã hội của Gia Lai còn nhiều khó khăn hơn so với nhiều địa phương khác trên cả nước, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với các tỉnh, thành trong cả nước vẫn còn cao.

An ninh chính trị còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Kinh tế của tỉnh trong những năm qua tuy tăng trưởng với tốc độ cao nhưng do xuất phát điểm còn thấp và phát triển chưa vững chắc, chất lượng và hiệu quả chưa cao nên mức tăng trưởng đó vẫn chưa đưa Gia Lai thoát khỏi tình trạng là một tỉnh nghèo.

Thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với các tỉnh khác. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo ngành nghề nhiều, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương nên không đáp ứng được yêu cầu của các nhà doanh nghiệp.

Hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh vẫn chưa đạt được hiệu quả. Các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh chưa thu hút được các nhà đầu tư hoạt động kinh doanh; số lượng dự án được triển khai đạt hấp so với dự án đăng ký. Kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội vẫn còn nhiều yếu kém.

2.3.3. Các chính sách của Nhà nước

a. Thủ tục hành chính

Tại tỉnh Gia Lai nhằm thực hiện chương trình cải cách hành chính theo đề án 30 của Chính Phủ, UBND tỉnh Gia Lai và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai rất chú trọng việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đăng ký thành lập và hoạt động kinh doanh. Sở đã thực hiện việc đăng ký kinh doanh cho tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn

b. Môi trường đầu tư

Việc cải thiện môi trường đầu tư tại tỉnh tốt là điều kiện để thu hút đầu tư góp phần phát triển kinh tế tỉnh nhà cũng như nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển. Tuy trong những năm gần đây tình hình chính trị, xã hội tại tỉnh đã có nhiều cải thiện; công tác quảng bá, hỗ trợ xúc tiến đầu tư được tổ chức tại nhiều tỉnh

thành trong cả nước nhưng môi trường đầu tư của tỉnh vẫn chưa thu hút được các doanh nghiệp đến đầu tư lâu dài.

c. Mặt bằng sản xuất kinh doanh

Tỉnh đã đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu công nghiệp như : Khu công nghiệp Trà Đa, KCN tây Pleiku, KCN Cửa khẩu Lê Thanh và một số cụm công nghiệp nhằm đảm bảo mặt bằng sản xuất kinh doanh cũng như khắc phục tình trạng bố trí phân tán riêng lẻ, manh mún, xen kẽ trong các khu dân cư ảnh hưởng đến môi trường. Nhưng việc tiến hành kinh doanh của các đơn vị thuê đất còn diễn ra rất chậm.

d. Chính sách về phát triển nguồn nhân lực

Trong thực tế, số chủ doanh nghiệp có trình độ chưa cao, thật sự có kinh nghiệm, hiểu biết kinh doanh trên thương trường, am hiểu về luật pháp, các vấn đề liên quan đến hội nhập không nhiều. Cùng với sự hỗ trợ của tỉnh, các Sở, Ban ngành đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo để nâng cao năng lực quản lý, kiến thức pháp luật cho người quản lý doanh nghiệp

e. Chính sách về vốn

Nhu cầu vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh là vấn đề cấp thiết đối với KVKTTN. Trong những năm qua mặt bằng lãi suất tăng cao gây khó khăn cho DN, hộ kinh doanh khi sử dụng vốn vay.

g. Chính sách phát triển công nghệ, máy móc thiết bị

Mức độ đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân tại tỉnh còn rất thấp so với yêu cầu phát triển. Năng lực công nghệ của các doanh nghiệp hiện nay chủ yếu dừng ở khả năng tiếp thu và vận hành công nghệ qua nhập khẩu máy móc hoặc mua máy móc của các nhà máy chứ chưa có sáng kiến cải tiến công nghệ. Trong các doanh nghiệp hầu như chưa có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ.

h. Môi trường pháp lý, nhận thức xã hội về KTTN

Nhằm tạo điều kiện và kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững, tỉnh Gia Lai cũng đã chú trọng đến môi trường pháp lý và quản lý Nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân.

2.4 NHỮNG TỒN TẠI TRONG PHÁT TRIỂN TẾ TƯ NHÂN Ở TỈNH GIA LAI VÀ NGUYÊN NHÂN

2.4.1. Những tồn tại

-Về quy mô doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp, chủ yếu được hình thành từ các hộ sản xuất tư nhân nhỏ.

-Phương thức kinh doanh còn mang tính tự phát của hộ gia đình, trình độ lao động hầu hết chưa qua đào tạo, gia đình quản lý là chủ yếu.

- Ngành nghề kinh doanh không đa dạng.

- Trình độ và kiến thức quản lý kinh doanh của chủ doanh nghiệp còn khá hạn chế.

- Sự hợp tác liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp trên địa bàn chưa được quan tâm.

Từ những tồn tại trên cho thấy sự phát triển của KVKTTN còn gặp nhiều khó khăn trở ngại. Chính quyền tại tỉnh cần đưa ra những chính sách phù hợp để hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, hạn chế những rào cản làm ảnh hưởng đến sự phát triển đó.

2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại

a. Nguyên nhân chủ quan

- Quy mô và chất lượng các yếu tố đầu vào còn hạn chế.
- Năng lực của chủ doanh nghiệp còn hạn chế

b. Nguyên nhân khách quan

- Các chính sách để phát triển thiếu đồng bộ, chưa kịp thời.

Chưa có một khuôn khổ pháp lý phù hợp cho KVKTNN phát triển.

- Tỉnh còn thiếu những chính sách cụ thể để khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển.

- Sự quản lý của các cơ quan chức năng thiếu chặt chẽ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn giới thiệu khái quát về điều kiện địa lý, điều kiện tự nhiên; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai, từ đó đi sâu vào tình hình phát triển của khu vực kinh tế tư nhân nói chung và tình hình phát triển của các hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân nói riêng trong giai đoạn 2006 -2010. Qua phân tích thực trạng phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân như điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế- xã hội, các chính sách của Nhà nước từ đó rút ra những mặt còn tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong quá trình phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2010 – 2015, định hướng đến năm 2020

Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2010 -2015:

Phần đầu đến năm 2015: quy mô GDP theo giá hiện hành đạt 48.500 tỷ đồng. (tính theo giá so sánh năm 1994 đạt 12.300 tỷ đồng); GDP bình quân theo giá hiện hành đạt 34,2 triệu đồng (trung bình 1.622 USD) gấp 2,35 lần so với năm 2010 (tính theo giá so

sánh năm 1994 gấp 1,6 lần). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 4.900 tỷ đồng; gấp 2,13 lần so với năm 2010. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 250 triệu USD. Giải quyết việc làm cho 2,3 vạn lao động /năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%; thu nhập dân cư nông thôn tăng 2,5 lần so với hiện nay; tỷ lệ hộ nghèo trong nông thôn còn 2,4%, giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh xuống còn 2%.

** Xu hướng phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong thời gian đến*

Tại đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã quán triệt : thực hiện tốt chính sách phát triển các thành phần kinh tế . Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi và bình đẳng cho phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục chỉ đạo củng cố, phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân và khu vực dân doanh phát triển sản xuất kinh doanh, đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3.1.2. Một số quan điểm có tính nguyên tắc khi đề ra giải pháp

- Việt nam xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ. Phát triển KTTN không được tác động xấu đến môi trường tự nhiên, kinh tế- chính trị- xã hội.

- Phát triển KTTN phải xuất phát từ thực tiễn từ tình hình thực tiễn .

- Phát triển kinh tế tư nhân là chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Tỉnh Gia Lai.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân đầu tư, kinh doanh mặt khác Nhà nước quản lý được các hoạt động góp phần giữ vững cân đối lớn của nền kinh tế tỉnh Gia Lai.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội thanh niên, hội phụ nữ...

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI GIA LAI TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.2.1. Các giải pháp phát triển số lượng các doanh nghiệp

a. Qui hoạch phát triển ngành kinh tế hợp lý

- Công bố công khai quy hoạch phát triển ngành nghề, nhóm sản phẩm chủ lực để doanh nghiệp biết và tổ chức sản xuất kinh doanh theo đúng quy hoạch.

- Thông tin về chính sách phải được công bố một cách minh bạch và kịp thời cho doanh nghiệp.

- Chú trọng đến việc thu nhận thông tin phản hồi của doanh nghiệp sau khi đăng ký kinh doanh, để có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp...

b. Cải cách hành chính

Cần tập trung vào cải cách những vấn đề chính như : cải cách thể chế hành chính, bộ máy hành chính, đội ngũ cán bộ...

c. Lựa chọn ngành nghề, sản phẩm kinh doanh của doanh nghiệp

Dựa trên cơ sở mục tiêu, chiến lược phát triển của tỉnh, các ngành nghề nằm trong quy hoạch phát triển được ưu đãi hay thế mạnh của địa bàn kinh doanh mà doanh nghiệp xác định sản phẩm để sản xuất kinh doanh cho phù hợp. Tránh đầu tư tràn lan, chồng chéo, theo số đông dẫn đến việc kém hiệu quả.

3.2.2. Các giải pháp tăng qui mô bình quân các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân

a. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh

Đầu tư Nhà nước vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong tổng đầu tư xã hội, đặc biệt đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Chi phí đầu tư cho cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh là rất lớn vì vậy DN cần có sự hỗ trợ từ phía chính quyền Nhà nước để giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

b. Hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực

- Trung tâm đào tạo nghề của tỉnh cần đẩy mạnh xây dựng đầu tư các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề theo quy mô thành phố, huyện trên cơ sở nguồn lực thực tế của địa phương để đào tạo nghề cho người lao động.

- Mở thêm trung tâm bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế.

c. Tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh

Cần đưa ra chính sách hỗ trợ cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi để các DN di dời tập trung vào các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

Tạo điều kiện thuận lợi về đền bù, cho thuê mặt bằng đối với các cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng bởi giải phóng mặt bằng.

d. Tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn

Chính sách tín dụng liên quan đến KVKTTN cần được hoàn thiện theo hướng đơn giản, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.3. Mở rộng và củng cố thị trường

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng thương mại đặt chi nhánh tại tỉnh.

- Hỗ trợ và phát triển các thị trường phụ trợ.

3.2.4. Tăng cường liên kết doanh nghiệp

Cần tăng cường vai trò của các tổ chức hiệp hội DN.

Về phía doanh nghiệp chủ động nhận thức việc liên kết tăng

cường sức cạnh tranh trong môi trường hội nhập kinh tế thế giới. Các doanh nghiệp cần liên kết với để khai thác hết thế mạnh của mình, đồng thời tránh cạnh tranh không lành mạnh thua trên sân nhà.

3.2.5. Tăng kết quả, hiệu quả kinh doanh

Xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, có mục tiêu rõ ràng.

Phân tích môi trường bên ngoài và bên trong doanh nghiệp.

Xây dựng và lựa chọn chiến lược phù hợp.

Đồng thời tăng cường hỗ trợ các nguồn lực vốn, nhân lực, mặt bằng kinh doanh, phát triển thị trường. Tất cả đều đưa vào chiến lược để định hình và xây dựng kế hoạch kinh doanh cho DN.

3.2.6. Hoàn thiện các chính sách phát triển KTTN

Các cơ chế, chính sách liên quan đến KVKTTN cần phát huy theo hướng thông thoáng, hấp dẫn, nhưng vẫn đảm bảo tính chặt chẽ, dễ kiểm soát. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những sửa đổi, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của kinh tế tư nhân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, ở chương 3 đã đưa ra các giải pháp cụ thể như giải pháp về phát triển số lượng, tăng quy mô doanh nghiệp, giải pháp về củng cố, phát triển thị trường, tăng cường liên doanh, liên kết, tăng kết quả hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các chính sách để phát triển kinh tế tư nhân. Các giải pháp trên căn cứ vào thực trạng của việc phát triển kinh tế tư nhân trong những năm vừa qua đồng thời căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2010 -2015 và định hướng đến năm 2010.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Qua kết quả phân tích trên cho phép đi đến kết luận sau:

- KVKTTN trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã có những bước phát triển đáng kể đóng góp vào sự phát triển của tỉnh nhà, tuy nhiên vẫn chưa phát huy được hết tiềm lực của mình. Sự tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân thể hiện chủ yếu là tăng trưởng về mặt lượng, chất lượng và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế này còn thấp.

- Có nhiều nguyên nhân làm cho sự thay đổi về chất của khu vực kinh tế này còn thấp như sự yếu kém về trình độ quản lý, chưa đề ra chiến lược cụ thể, các hoạt động kinh doanh mang tính ngắn hạn; Cấu trúc tổ chức của đơn vị kinh doanh còn đơn giản, không thực hiện đủ các chức năng quản lý cần thiết; Việc cập nhật thông tin, sử dụng thông tin để đưa ra chiến lược kinh doanh còn bị động; nguồn nhân lực chưa được đào tạo đáp ứng với xu thế hội nhập kinh tế. Chính những nguyên nhân này làm cho KVKTTN phát triển thiếu bền vững.

- Sự khó khăn của KVKTTN về điều kiện đất đai, mặt bằng sản xuất, vốn, năng lực và cơ hội, thông tin thị trường, hiệp hội doanh nghiệp đã chưa được quan tâm đúng mức.

- Nhiều chính sách của địa phương đưa ra nhằm định hướng và tạo điều kiện để phát triển KVKTTN, tạo môi trường để KTTN phát triển mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên những yếu tố này là nhân tố môi trường bên ngoài, muốn KVKTTN nâng cao được chất lượng cũng như tăng năng lực cạnh tranh cần có sự điều chỉnh theo hướng phát huy vai trò tích cực của chính bản thân hộ kinh doanh và DN.

Trong thời gian đến, để KVKTTN phát triển, bản thân các hộ

kinh doanh cần phát huy được hết tiềm lực của mình, các doanh nghiệp cần có nỗ lực đổi mới, hoàn thiện mình cho phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong kinh doanh, đảm bảo uy tín, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, biết gắn kết lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích người tiêu dùng và lợi ích chung của nền kinh tế xã hội tỉnh nhà. Chính quyền địa phương cần mạnh dạn có những bước đột phá, táo bạo nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập đang còn tồn tại hoặc phát sinh trong thực tiễn quản lý Nhà nước đối với KVKTTN.

Trong công cuộc đổi mới và phát triển toàn diện đất nước, triển vọng phát triển kinh tế tỉnh Gia Lai cho ngang tầm với các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước là vấn đề được chính quyền địa phương rất quan tâm. KVKTTN là một nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển chung của kinh tế địa phương cũng như góp phần vào sự phát triển của đất nước, xây dựng tỉnh Gia Lai ngày càng giàu đẹp.

Trong quá trình phân tích và thực tế tồn tại tôi nhận thấy đề KVKTTN tăng nhanh về số lượng và phát triển bền vững phải xuất phát từ sự lớn lên về chất của các chủ thể trong khu vực kinh tế này. Trong quá trình kinh doanh phát triển chủ thể kinh doanh cần lưu ý một số định hướng sau:

Một là: Các chủ doanh nghiệp cũng như chủ hộ kinh doanh cá thể cần tham gia các khóa đào tạo để nâng cao năng lực quản lý; tham gia các hiệp hội ngành nghề để chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị khác kinh doanh cùng ngành nghề; chủ động theo dõi và quản lý thông tin có liên quan đến cơ sở kinh doanh của mình qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet, các hiệp hội, hội chợ, triển lãm. Hình thành thói quen theo dõi, cập nhật, phân tích

thông tin thị trường. Khi ra quyết định trong quản lý điều hành nên dựa vào thông tin, không nên dựa vào cảm tính, kinh nghiệm.

Hai là: hầu hết các doanh nghiệp thuộc KVKTTN trên địa bàn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chất lượng nguồn nhân lực thấp nên cần chú trọng đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì nó thường xuyên biến động. Kỹ năng, năng suất làm việc của nhân viên cần quy hoạch để khai thác có hiệu quả. Nâng cao trình độ nhân viên qua các chương trình đào tạo, khuyến khích nhân viên phát huy sáng tạo, tự nâng cao năng lực để có sự gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Ba là: cần chú trọng việc nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, lập phương án kinh doanh khả thi. Cần phải tổ chức hoạt động doanh nghiệp theo kế hoạch, lập kế hoạch cho ngắn hạn và dài hạn trong phát triển kinh doanh.

2. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cho các cấp Sở ngành địa phương trình cấp trên xem xét: Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với các dự án đầu tư chưa phù hợp vì:

Trong nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11.12.2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp tại khoản 5, điều 19 thì điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN là “doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư”

Theo quy định tại điều 2, nghị định 108/2006/NĐ_CP ngày 22.9.2006 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư thì định nghĩa theo hướng cho phép các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế khi triển khai đầu tư các dự án mới (độc lập với các dự án hoặc lĩnh vực kinh doanh đang hoạt động). Chính vì hai quy định không thống nhất nên doanh nghiệp đã thành lập cũ khi có dự án đầu tư mới thì không biết có được hưởng ưu đãi về thuế hay không.